

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 97/2025/HC-ST

Ngày: 28/3/2025

*V/v khiếu kiện quyết định hành
chính*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Hòa

2. Ông Phạm Văn Hề

- Thư ký phiên tòa: Bà Giản Thị Dung

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia
phiên tòa:** Ông Tôn Mạnh Hùng - Kiểm sát viên

Vào các ngày 26 tháng 02, ngày 17 tháng 3 và ngày 28 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 34/2019/TLST-HC ngày 11 tháng 3 năm 2019 về “*Khiếu kiện quyết định hành chính*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 534/2025/QĐXXST-HC ngày 10 tháng 02 năm 2025, Quyết định tạm ngừng phiên tòa hành chính sơ thẩm số 2263/2025/QĐST-HC ngày 25 tháng 02 năm 2025 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa hành chính sơ thẩm số 3059/2025/QĐST-HC ngày 17 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Võ Văn G (vắng mặt ngày 26/02/2025, có mặt ngày 17/3/2025 và ngày 28/3/2025)

Địa chỉ: đường B, Phường B, Quận L, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Q (có mặt)

Địa chỉ: Đường D, phường N, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo giấy ủy quyền số công chứng 013503 lập ngày 05/11/2018 tại Văn phòng Công chứng Chợ Lớn Thành phố Hồ Chí Minh).

2. Người bị kiện:

- Ủy ban nhân dân Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ: Đường R, phường A, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện Ủy ban nhân dân Quận S và Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận S:

- Ông Đặng Văn T (có mặt).
- Ông Đoàn Nguyễn Đức T1 (có đơn xin vắng mặt).

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Bà Võ Thị Kim A (có mặt ngày 26/02/2025 và ngày 17/3/2025, vắng mặt ngày 28/3/2025)

Địa chỉ: đường B, Phường B, Quận L, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Q (có mặt)

Địa chỉ: Đường D, phường N, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo Hợp đồng ủy quyền số công chứng 024574 lập ngày 08/11/2018 tại Phòng Công chứng số 1 Thành phố Hồ Chí Minh).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án, người khởi kiện trình bày:

Ông Võ Văn G làm đơn khởi kiện Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) Quận S vì đã ban hành Văn bản số 4146/UBND-BT ngày 06/06/2018 yêu cầu ông giao 538,3m² đất mà không ban hành quyết định thu hồi đất, không cho ông biết lý do vì sao không bồi thường hỗ trợ gì khi nhà nước thu hồi đất trong khi phần đất 538,3m² này đã được nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật cho bà Phạm Thị V, bà Phạm Thị C, ông Trần Văn N. Năm 2001 Bà V, bà C, ông N đã thực hiện chuyển nhượng cho bà Võ Thị Kim A (vợ ông) và bà A đã hoàn thành việc đăng bộ, sang tên đổi với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Nội dung sự việc như sau: ông được mời đến UBND phường N làm việc là vào hồi 14 giờ ngày 26/6/2017. Tại buổi làm việc này, đại diện UBND Quận S cho gia đình ông biết nội dung về việc “*điều chỉnh ranh thu hồi đất dự án thoát nước khu TĐC H, phường N, Quận S*”.

Tiếp theo gia đình ông được mời đến UBND phường N làm việc là vào hồi 09 giờ 00 phút ngày 12/12/2017. Tại buổi làm việc này, đại diện UBND Quận S thông báo nội dung “*Phương án bồi thường, hỗ trợ trong dự án đầu tư xây dựng công trình giải quyết thoát nước cho khu tái định cư phường N (khu H)*”, (sau đây gọi tắt là Khu dự án H) Bản phương án này chưa có ký tên đóng dấu của người có thẩm quyền; tại buổi họp này ông đã nêu ý kiến: “*theo Quyết định 585/QĐ-UB ngày 09/6/2004 của UBND Quận S thu hồi 02 thửa đất 308-3 (345,2 m²), 331-3 (339,8 m²) tổng cộng 685 m² quy hoạch lộ giới đường. Nay quy hoạch làm dự án thoát nước H thu hồi 538,3 m² phần diện tích còn lại cơ quan chức năng phải có Quyết định trả lại cho tôi và cấp Giấy chứng nhận chuyển mục đích sử dụng cho tôi (cho tôi đóng tiền chuyển mục đích sử dụng phần diện tích trả lại cho tôi theo trước ngày 01/7/2004).*”

Ông đồng ý nhà nước làm công trình dự án thoát nước H với điều kiện bồi thường cho ông phần diện tích bị giải tỏa (Biên bản họp hồi 09 giờ 00 phút ngày 12/12/2017) cùng với Phương án Khu dự án H là Thông báo thu hồi đất số 343/TB-UBND-TNMT ngày 26/5/2016.

Ngày 21/12/2017 UBND phường N ban hành Văn bản số 01/DSTB về “*Danh sách công khai kết quả kiểm tra hồ sơ đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại phường N, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh*”, trong danh sách này có nội dung “*người không đồng ý với kết quả thẩm tra trên đây thì gửi đơn đến Ủy ban nhân dân phường N để được giải quyết*”. Vì nội dung niêm yết cho rằng nếu không đồng ý thì làm đơn gửi tới Phường, nhưng khi gửi đơn đến Phường ông lại được hướng dẫn làm đơn gửi đến Ban bồi thường giải phóng mặt bằng. Ngày 22/01/2018 ông có làm đơn khiếu nại gửi đến Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng Quận S đề khiếu nại vì Ban Bồi thường cho rằng phần đất 538,3 m² bị thu hồi là thuộc lộ giới nên không bồi thường là không đúng thực tế sử dụng đất, không đúng với quy định pháp luật.

Ngày 07/02/2018 Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng Quận S đã làm việc về giải quyết đơn khiếu nại của ông theo nội dung: “*Biên bản làm việc lúc 09 giờ 00 phút ngày 07/02/2018*” tại buổi làm việc này Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng đã hướng dẫn ông chuyển đơn khiếu nại thành đơn khởi kiện. Đến ngày 20/4/2018 đại diện UBND Quận S tiếp tục mời ông đến làm việc, ông vẫn trình bày các yêu cầu kiến nghị về việc cung cấp cho ông các văn bản liên quan đến quyết định thu hồi đất năm 2004 thuộc trường hợp không được bồi thường, ông vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị Nhà nước bồi thường theo hiện trạng đất và theo giá thị trường.

Ngày 06/6/2018 UBND Quận S ban hành Văn bản số 4146/UBND-BT về việc trả lời đơn kiến nghị của ông Võ Văn G liên quan đến dự án Giải quyết thoát nước khu tái định cư phường N (H) với nội dung “*không bồi thường*”.

Ông chứng minh quyền, lợi ích của ông bị ảnh hưởng bởi Quyết định 585/QĐ-UB ngày 09/6/2004 của UBND Quận S như sau:

Phần đất 538,3 m² bị thu hồi để thực hiện dự án khu H là một phần trong tổng diện tích khu đất 8998 m² đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ năm 1999 và 2000 cho bà Phạm Thị V đứng tên sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00276/QSĐĐ/Q12/1999 ngày 29/11/1999 (diện tích 2507 m²); bà Phạm Thị C đứng tên sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00289/QSĐĐ/Q12/1999 ngày 20/12/1999 (diện tích 1527 m²); ông Trần Văn N đứng tên sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00401/QSĐĐ/Q12/2000 ngày 08/8/2000 (diện tích 5964 m²)

Năm 2001 bà Phạm Thị V, bà Phạm Thị C, ông Trần Văn N đã thực hiện đầy đủ thủ tục chuyển nhượng lại cho gia đình ông theo quy định của pháp luật và giao quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông sử dụng. Trong quá trình sử dụng, vợ chồng ông đã chuyển nhượng lại cho ông Lâm Tuấn V1 1000 m² vào ngày 28/9/2003).

Đến năm 2004 vợ chồng ông xin chuyển mục đích sử dụng đất được UBND Quận S cấp đổi 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên thành Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X553581 số vào sổ cấp Giấy chứng nhận chuyển mục đích sử dụng đất số 00234/2B.QSĐĐ/XDCB/2010-QLDDT12 ngày 30/6/2004 đối với phần diện tích 8209,1 m² còn phần diện tích 788,9m² không được chuyển mục đích vì lý do nằm trong lộ giới, nhưng từ đó đến nay chưa thực hiện thu hồi thực tế và chưa bồi thường.

Ông thấy theo quy định của pháp luật đất đai quy định đối với đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà nhà nước quy hoạch về lộ giới sau khi có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì vẫn phải bồi thường hỗ trợ cho người sử dụng đất, trong khi 538,3 m² không phải thu hồi để làm lộ giới mà theo nội dung Biên bản họp lúc 14 giờ 00 phút ngày 26/6/2017 thì phần đất vợ chồng ông chưa được chuyển mục đích đã được điều chỉnh ranh thành Khu dự án H việc thu hồi đất của người sử dụng đất đã có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà không bồi thường, hỗ trợ là không đúng quy định của pháp luật nên ông yêu cầu Tòa án xem xét hủy:

- Thông báo thu hồi đất số 343/TB-UBND-TNMT ngày 26/5/2016 của UBND Quận S.

- Văn bản số 4146/UBND-BT ngày 06/6/2018 của UBND Quận S

- Một phần Quyết định số 585/QĐ-UB ngày 09/6/2004, cụ thể bỏ phần nội dung thu hồi 788,9m² đất do bà Võ Thị Kim A sử dụng thuộc lộ giới đường; vị trí đất thuộc một phần thửa đất (thửa cũ) số 304-2 (103,9m²), 308-3 (345,2m²), 331-3 (339,8m²) tờ bản đồ số 4, đất thuộc phường N,

- Quyết định số 5424/QĐ-UBND ngày 17/11/2020 về việc cưỡng chế thu hồi đất của Chủ tịch UBND Quận S;

Ông cam đoan kể từ ngày nộp đơn khởi kiện tại Tòa án thì ông không thực hiện việc khiếu nại các nội dung khởi kiện tại UBND Quận S hay bất kỳ cơ quan nào khác.

Người bị kiện Chủ tịch và UBND Quận S văn bản số 4992/UBND-TNMT ngày 03 tháng 7 năm 2020 trình bày ý kiến như sau:

Về yêu cầu của người khởi kiện trong vụ án trên: UBND Quận S đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử theo hướng bác đơn khởi kiện của ông Võ Văn G; giữ nguyên nội dung Quyết định số 585/QĐ-UB ngày 09/6/2004, Văn bản số 4146/UBND-BT ngày 06/6/2018 và Thông báo số 343/TB-UBND-TNMT ngày 26/5/2016 của UBND Quận S.

Về tài liệu, chứng cứ liên quan vụ kiện: UBND Quận S cung cấp cho Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh các Văn bản sau:

Quyết định số 585/QĐ-UB ngày 09/6/2004 của UBND Quận S; Biên bản ngày 28/6/2004 của Phòng Quản lý Đô thị Quận S lập làm việc với UBND phường N và ông Võ Văn G; Văn bản số 4146/UBND-BT ngày 06/6/2018 của UBND Quận S; Thông báo 343/Tb-UBND-TNMT ngày 26/5/2016 của UBND Quận S.

Về tham gia tố tụng trong vụ án trên: UBND Quận S xin vắng mặt trong suốt quá trình xét xử vụ án tại Tòa án nhân dân các cấp. UBND Quận S sẽ thực hiện theo Quyết định, bản án của Tòa án nhân dân các cấp có hiệu lực pháp luật.

Ngày 17/11/2023 người bị kiện có Văn bản số 8108/UBND-TNMT trình bày ý kiến:

Về nội dung đề nghị hủy một phần Quyết định số 585/QĐ-UB ngày 09/6/2004 của UBND Quận S:

Liên quan phần đất diện tích 788,9m² thuộc lộ giới và phần đất diện tích 8.209,1 m² cấp cho bà Võ Thị Kim A có nguồn gốc như sau:

- Nhận chuyển nhượng của ông Trương Văn N1 (đại diện các con ông Trương Văn H1) theo Hợp đồng được UBND Quận S xác nhận số 367/UB ngày

18/5/2001 đối với phần đất thuộc thửa số 304, 305, 331 tờ bản đồ số 4 (theo Tài liệu 02/CT-UB), phường N, Quận S theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp số 00401.QSDD/Q12/2000 do UBND Quận S cấp ngày 08/8/2000 với diện tích 5.964m² và đăng ký biến động giảm 1.000m² theo xác nhận số 1470 ngày 29/8/2020 của UBND Quận S (do chuyển nhượng cho bên nhận quyền sử dụng đất là Lâm Tuấn V1);

- Nhận chuyển nhượng của bà Phạm Thị C theo Hợp đồng được UBND Quận S xác nhận số 678/UB ngày 09/8/2001 đối với phần đất thuộc thửa số 306 tờ bản đồ số 4 (theo Tài liệu 02/CT-UB), phường N, Quận S theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00289.QSDD/Q12/1999 do UBND Quận S cấp ngày 20/12/1999 với diện tích 1.527m²;

- Nhận chuyển nhượng của bà Phạm Thị V theo Hợp đồng được UBND Quận S xác nhận số 679/UB ngày 09/8/2001 đối với phần đất thuộc thửa số 307, 308 tờ bản đồ số 4 (theo Tài liệu 02/CT-UB), phường N, Quận S theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00276.QSDD/Q12/1999 do UBND Quận S cấp ngày 29/11/1999 với diện tích 2.507m².

Sau khi nhận chuyển nhượng bà Võ Thị Kim A có đơn đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất. Ngày 09/6/2004, UBND Quận S có Quyết định số 585/QĐ-UB về việc cho bà Võ Thị Kim A được phép chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp để đầu tư xây dựng xưởng may tại phường N, Quận S. Theo đó, tại Điều 1 và khoản 3.3 Điều 3 Quyết định số 585/QĐ-UB có thể hiện nội dung:

“Điều 1. Thu hồi 788,9m² đất do bà Võ Thị Kim A sử dụng thuộc lộ giới đường; vị trí đất thuộc một phần thửa đất số 304-2 (103,9 m²), 308-3 (345,2 m²), 331-3 (339,8 m²) tờ bản đồ số 4 (theo Tài liệu 02/CT-UB), phường N, Quận S.

Cho phép bà Võ Thị Kim A được phép chuyển mục đích sử dụng đất hai khu đất nông nghiệp có tổng diện tích 8.209,1m² đất để đầu tư xây dựng xưởng may, đất thuộc phường N, Quận S; vị trí đất thuộc trọn các thửa (thửa cũ) số 305 (1.724m²), 306 (1.527m²), 307 (1.468m²); gồm hai khu đất:

Khu I: Diện tích 7.067m², thửa mới chính thức 1047.

Khu II: Diện tích 1.142,1m², thửa mới chính thức 1048.

Vị trí ranh giới các phần đất ghi ở Điều 1 này được xác định theo Bản đồ hiện trạng vị trí được đăng ký tại phòng Quản lý đô thị Quận S số 3304/QLĐT ngày 06/6/2004.

Điều 3. Căn cứ vào Điều 1 của quyết định này:

3.3. Ủy ban nhân dân phường N:

Quản lý phần đất thu hồi 788,9m² thuộc lộ giới đường.

Quản lý, kiểm tra việc sử dụng đất.

Ngày 28/6/2004, phòng Quản lý đô thị Quận S có Biên bản làm việc với UBND phường N và bà Võ Thị Kim A (do ông Võ Văn G là đại diện) về việc triển khai thực hiện Quyết định số 585/QĐ-UB nêu trên, theo đó bà Võ Thị Kim A (do ông Võ Văn G là đại diện) thống nhất quản lý sử dụng phần diện tích đất 8.209,1m² theo ranh giới vị trí tại Bản đồ hiện trạng vị trí được đăng ký tại phòng Quản lý đô thị Quận S số 3304/QLĐT ngày 06/6/2004 và UBND phường N xác nhận có tiếp nhận quản lý sử dụng phần đất diện tích 788,9m² thuộc lộ giới và Biên bản đã được đọc lại cho các bên cùng nghe, xác nhận là đúng và đồng ý ký tên.

Ngày 30/6/2004, UBND Quận S đã chỉnh lý biên động và thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00276QSDĐ/Q12/1999 ngày 29/11/1999, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00401QSDĐ/Q12/2000 ngày 08/8/2000 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00289.QSDĐ/Q12/1999 ngày 20/12/1999 do UBND Quận S cấp với lý do: UBND Quận S thu hồi Giấy chứng nhận do hết diện tích.

Cùng ngày 30/6/2004, UBND Quận S có cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00234/2B.QSDĐ/XDCB/2010.QLĐT12 cho bà Võ Thị Kim A (Cấp theo Quyết định số 585/QĐ-UB ngày 09/6/2004 của UBND Quận S) với diện tích 8.209,1m²; vị trí thuộc trọn thửa 305, 306, 307, một phần thửa 304, 308, 331 tờ bản đồ số 4 (theo Tài liệu 02/CT-UB), phường N, Quận S (Thửa mới 1047, 1048) và đăng ký biến động theo xác nhận số 591/TTN ngày 17/10/2005 của UBND Quận S.

Theo Quyết định số 585/QĐ-UB ngày 09/6/2004 của UBND Quận S và Biên bản làm việc ngày 28/6/2004 với UBND phường N và bà Võ Thị Kim A (do ông Võ Văn G là đại diện) về việc triển khai thực hiện Quyết định số 585/QĐ-UB, qua đó chứng minh được ông Võ Văn G và bà Võ Thị Kim A đã biết và đồng ý với Quyết định nêu trên của UBND Quận S (bà Võ Thị Kim A đã thực hiện nghĩa vụ thuế chuyển mục đích sử dụng đất và các nghĩa vụ tài chính liên quan) đã nhận Giấy chứng nhận có ghi giảm phần diện tích đất thuộc lộ giới, đồng thời bàn giao phần diện tích đất thuộc lộ giới cho UBND phường N quản lý theo ghi nhận tại Biên bản làm việc, đến trước ngày dự án giải quyết thoát nước khu tái định cư H tại phường N, Quận S thực hiện thì ông Võ Văn G và bà Võ Thị Kim A không có khiếu nại hoặc tranh chấp nên Quyết định số 585/QĐ-UB ngày 28/6/2004 của UBND Quận S đã có hiệu lực và hết thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 116 Luật Tố tụng hành chính năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019).

Về nội dung đề nghị hủy Thông báo số 343/TB-UBND- TNMT ngày 26/5/2016 của UBND Quận S:

Ngày 20/6/2016, Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng Quận S có Biên bản làm việc với ông Võ Văn G; theo đó, Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng Quận S đã triển khai Thông báo số 343/TB-UBND-TNMT ngày 26/5/2016 của UBND Quận S về thu hồi đất để thực hiện dự án giải quyết thoát nước khu tái định cư H tại phường N, Quận S đến ông Võ Văn G và ông Võ Văn G không có khiếu nại nên Thông báo số 343/TB-UBND- TNMT ngày 26/5/2016 của UBND Quận S đã có hiệu lực và hết thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 116 Luật Tố tụng hành chính năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019).

Về nội dung đề nghị hủy Văn bản số 4146/UBND-BT ngày 06/6/2018 của UBND Quận S:

Ngày 06/6/2018, UBND Quận S có Văn bản số 4146/UBND-BT về việc trả lời đơn kiến nghị của ông Võ Văn G liên quan dự án giải quyết thoát nước khu tái định cư H tại phường N, Quận S. Theo đó, UBND Quận S cung cấp thông tin đến ông Võ Văn G về nội dung Quyết định số 585/QĐ-UB ngày 28/6/2004 của UBND Quận S.

Căn cứ Điều 116 Luật Tố tụng hành chính năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019), UBND và Chủ tịch UBND Quận S nhận thấy Quyết định số 585/QĐ-UB ngày 28/6/2004 của UBND Quận S và Thông báo số 343/TB-UBND-TNMT ngày 26/5/2016 của UBND Quận S đã có hiệu lực và hết thời

hiệu khởi kiện. Do đó, UBND Quận S và Chủ tịch UBND Quận S đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Thẩm phán Nguyễn Thị Thu Thủy đình chỉ vụ án trên theo quy định.

Về hiện trạng phần đất ông Võ Văn G hiện nay khởi kiện, UBND Quận S đã triển khai thực hiện dự án giải quyết thoát nước khu tái định cư H tại phường N, Quận S và đã đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước trên phần đất trên.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Kim A có người đại diện theo ủy quyền là bà Nguyễn Thị Q trình bày: đồng ý và thống nhất với yêu cầu khởi kiện của ông G.

Quá trình giải quyết, Tòa án thực hiện kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và ghi nhận đối thoại không thành nên quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa sơ thẩm,

Người khởi kiện ông Võ Văn G và người đại diện theo ủy quyền của ông Võ Văn G là bà Nguyễn Thị Q trình bày: giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và văn bản trình bày gửi Tòa ngày 28/3/2025, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn G.

Phía người bị kiện UBND Quận S và Chủ tịch UBND Quận S xin vắng mặt có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện ông Đặng Văn T đề nghị Hội đồng xét xử xem xét không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn G.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Kim A có người đại diện theo ủy quyền là bà Nguyễn Thị Q đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn G.

Đại diện Viện kiểm sát nêu hành vi tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng qui định. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn G về việc hủy Văn bản số 4146/UBND-BT ngày 06/6/2018, một phần Quyết định số 585/QĐ-UB ngày 09/6/2004 của UBND Quận S và Quyết định số 5424/QĐ-UBND ngày 17/11/2020 về việc cưỡng chế thu hồi đất của Chủ tịch UBND Quận S.

Đối với Thông báo thu hồi đất số 343/TB-UBND-TNMT ngày 26/5/2016 thì Thông báo thu hồi đất chỉ là bước đầu tiên trong trình tự, thủ tục thu hồi đất. Thông báo thu hồi đất chưa có nội dung làm phát sinh, thay đổi, hạn chế, chấm dứt quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân hoặc có nội dung làm phát sinh nghĩa vụ, ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân nên không phải đối tượng khởi kiện của vụ án hành chính theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật Tố tụng hành chính. Căn cứ điểm h khoản 1 Điều 143 và điểm a khoản 1 Điều 123 Luật Tố tụng hành chính năm 2015 đình chỉ giải quyết yêu cầu hủy Thông báo thu hồi đất số 343/TB-UBND-TNMT ngày 26/5/2016 của UBND Quận S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Xét đơn của ông Võ Văn G khiếu kiện yêu cầu hủy các quyết định hành chính của Chủ tịch UBND Quận S và UBND Quận S thuộc loại việc thẩm

quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo Điều 30, Điều 32 của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015, nên chấp nhận.

[2] Xét đơn xin vắng mặt của phía người bị kiện và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện là ông Đoàn Nguyễn Đức T1 phù hợp Điều 157, Điều 158 của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015, nên chấp nhận.

[3] Đối với yêu cầu của người khởi kiện,

Hội đồng xét xử xét thấy : Văn bản số 4146/UBND-BT ngày 06/6/2018 của UBND Quận S, Quyết định về việc cưỡng chế thu hồi đất số 5424/QĐ-UBND ngày 17/11/2020 của Chủ tịch UBND Quận S còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 116 của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015.

Quyết định số 585/QĐ-UB ngày 09/6/2004 đã hết thời hiệu khởi kiện. Tuy nhiên theo quy định tại khoản 1 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính thì: *“1. Hội đồng xét xử xem xét tính hợp pháp của quyết định hành chính, hành vi hành chính, ..., quyết định giải quyết khiếu nại và văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.”*

Như vậy, Hội đồng xét xử xem xét tính hợp pháp của các quyết định hành chính có liên quan đến các quyết định hành chính bị khởi kiện mà không phụ thuộc vào việc các quyết định này còn hay hết thời hiệu khởi kiện.

Xét yêu cầu hủy Thông báo thu hồi đất số 343/TB- UBND – TNMT ngày 26/5/2016:

Thông báo thu hồi đất số 343/TB-UBND-TNMT ngày 26/5/2016 có nội dung: *“Diện tích đất dự kiến thu hồi của ông Võ Văn G là 2.069,2m², mục đích sử dụng đất sẽ được xác định sau khi có xác minh của Ủy ban nhân dân Phường về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất”*. Như vậy Thông báo thu hồi đất chỉ là bước đầu tiên trong trình tự, thủ tục thu hồi đất. Thông báo thu hồi đất chưa có nội dung làm phát sinh, thay đổi, hạn chế, chấm dứt quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân hoặc có nội dung làm phát sinh nghĩa vụ, ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân nên không phải đối tượng khởi kiện của vụ án hành chính theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật Tổ tụng hành chính. Do đó căn cứ điểm h khoản 1 Điều 143 và Điều 123 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015, Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết yêu cầu trên.

Hơn nữa tại văn bản số 1725/UBND-TNMT ngày 17/3/2025 UBND Quận S và Chủ tịch UBND Quận S có ý kiến như sau:

Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị cung cấp thông tin như sau: *“Phần diện tích 538,3m² đất của ông Võ Văn G bị ảnh hưởng trong dự án giải quyết thoát nước Khu tái định cư phường N (Khu H), Quận S có nằm trong phần diện tích 788,9m² thu hồi theo Quyết định số 585/QĐ-UB ngày 09/6/2004 của UBND Quận S và có thuộc một phần diện tích 2.069,2m² theo Thông báo số 343/TB-UBND- TNMT ngày 26/5/2016 của UBND Quận S về việc thông báo thu hồi đất của ông Võ Văn G để thực hiện dự án giải quyết thoát nước Khu tái định cư phường N (Khu H), Quận S và có được bồi thường hay không”*.

Liên quan đến vụ án trên, UBND và Chủ tịch UBND Quận S có ý kiến như sau: Ngày 06/6/2018, UBND Quận S có Công văn số 4146/UBND- BT về việc

trả lời đơn kiến nghị của ông Võ Văn G liên quan phần đất thuộc dự án giải quyết thoát nước Khu tái định cư phường N (Khu H), Quận S. Theo đó, UBND Quận S đã xác định phần diện tích 538,3m² đất của ông Võ Văn G bị ảnh hưởng trong dự án giải quyết thoát nước Khu tái định cư phường N (Khu H), Quận S thuộc một phần diện tích 788,9m² đã được UBND Quận S thu hồi theo Quyết định số 585/QĐ-UB ngày 09/6/2004 và giao UBND phường N quản lý.

Ngày 17/11/2020, Chủ tịch UBND Quận S có Quyết định số 5424/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với ông Võ Văn G và bà Võ Thị Kim A.

Ngày 02/12/2020, UBND phường N có Biên bản làm việc với đại diện gia đình ông Võ Văn G (ông G đang ở nước ngoài); theo đó, tại buổi làm việc, đại diện gia đình ông Võ Văn G đồng ý bàn giao mặt bằng cho đơn vị thi công dự án giải quyết thoát nước Khu tái định cư phường N (Khu H), Quận S.

Ngày 28/01/2022, Sở Xây dựng có Thông báo số 1277/TB-SXD-QLCLXD về kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình xây dựng giải quyết thoát nước Khu tái định cư phường N (Khu H), Quận S.

Ngày 17/11/2023, UBND Quận S có Công văn số 8108/UBND-TNMT về việc có ý kiến liên quan vụ án khiếu kiện quyết định hành chính (nguyên đơn ông Võ Văn G), phường N, Quận S.

Do đó, UBND và Chủ tịch UBND Quận S đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử vụ án trên theo hướng bác nội dung đơn khởi kiện của ông Võ Văn G với lý do phần diện tích 538,3m² đất của ông Võ Văn G bị ảnh hưởng trong dự án giải quyết thoát nước Khu tái định cư phường N (Khu H), Quận S thuộc một phần diện tích 788,9m² đã được UBND Quận S thu hồi theo Quyết định số 585/QĐ-UB ngày 09/6/2004. Đồng thời, phần diện tích đất này thuộc một phần diện tích 2.069,2m² theo Thông báo số 343/TB-UBND-TNMT ngày 26/5/2016 của UBND Quận S về việc thông báo thu hồi đất của ông Võ Văn G để thực hiện dự án giải quyết thoát nước Khu tái định cư phường N (Khu H), Quận S nên không đủ cơ sở xem xét bồi thường.

Ngoài phần diện tích 788,9m² đã được UBND Quận S thu hồi theo Quyết định số 585/QĐ-UB ngày 09/6/2004, UBND và Chủ tịch UBND Quận S xem xét bồi thường, hỗ trợ (nếu có) theo quy định trên cơ sở ý kiến xác minh của UBND phường N và cơ quan, đơn vị có liên quan.

Do đó khi nào UBND Quận S ban hành Quyết định thu hồi đất ngoài phần diện tích 788,9m² đã được UBND Quận S thu hồi theo Quyết định số 585/QĐ-UB ngày 09/6/2004 thì ông G được quyền khởi kiện bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

Xét yêu cầu hủy Văn bản số 4146/UBND-BT ngày 06/6/2018 của UBND Quận S và một phần Quyết định số 585/QĐ-UB ngày 09/6/2004:

Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 12/12/2022, có ghi nhận: UBND Quận S thu hồi đất của ông Võ Văn G theo bản đồ hiện trạng vị trí số hợp đồng 12939/ĐĐBĐ-CNQ12 ngày 02/6/2004, thu hồi theo Quyết định số 585/QĐ-UB ngày 09/6/2004 của UBND Quận S với diện tích thu hồi cụ thể như

sau: phần diện tích 103,9m² (phần phía trước) tại địa chỉ đường N8, phường N, Quận S thu hồi phục vụ dự án N8, công trình nâng cấp, mở rộng đường N8, Quận S, phần diện tích này có hiện trạng vị trí như sau: phía trước là mặt tiền đường N8, phía sau giáp với công ty cổ phần thế giới số D, bên phải giáp với công ty cổ phần thương mại B, phía bên trái giáp với công ty TNHH May xuất khẩu P. Phần diện tích 345m² và 339,8m² (phần phía sau) tại địa chỉ đường N8, phường N, Quận S thu hồi cho dự án giải quyết thoát nước khu tái định cư H, đất thuộc phường N, Quận S; phần diện tích này có hiện trạng vị trí như sau: phía trước giáp với công ty cổ phần thế giới số D, phía bên phải giáp với công ty D1, phía bên trái giáp với đất trống, phía sau giáp với công ty cổ phần T. Toàn bộ 2 phần diện tích này không có đường đi vào.

Tại phiên tòa, người khởi kiện ông Võ Văn G và đại diện người đại diện theo ủy quyền của ông G và bà A là bà Q và ông T là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện đã được xem bản đồ hiện trạng vị trí do Trung tâm đo đạc bản đồ thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường lập ngày 19/10/2022 có sự giải thích của người trực tiếp đo vẽ là ông Trần Đình T2 thì ông T2 xác định vị trí đất thu hồi 538,3m² trong phần diện tích đất 788,9m² thuộc một phần thửa 36, 60, 61, tờ bản đồ số 41 (theo tài liệu bản đồ địa chính số năm 2004-2005), phường N, Quận S. Bà Q xác nhận hiện ông G chỉ bị thu hồi 538,3m² đất, phần còn lại ông G vẫn đang sử dụng.

Về nguồn gốc đất: Phần đất 538,3 m² bị thu hồi để thực hiện dự án khu H là một phần trong tổng diện tích khu đất 8.998 m² đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng cho:

1. Bà Phạm Thị V đứng tên sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00276/QSD Đ/Q12/1999 ngày 29/11/1999 (DT:2.507m², mục đích sử dụng: "Lúa").

2. Bà Phạm Thị C đứng tên sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00289/QSD Đ/Q12/1999 ngày 20/12/1999 (DT:1.527m², mục đích sử dụng: "Lúa").

3. Ông Trần Văn N đứng tên sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00401/QSDĐ/Q12/2000 ngày 08/08/2000 (DT:5.964m² mục đích sử dụng: "Lúa").

Năm 2001 bà Phạm Thị V, bà Phạm Thị C, ông Trần Văn N đã thực hiện thủ tục chuyển nhượng lại cho gia đình ông G và được cập nhật biến động theo quy định của pháp luật.

Đến năm 2004, ông G xin chuyển mục đích sử dụng đất và được UBND Quận S cấp đổi 03 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên thành Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X553581, số vào sổ cấp giấy chứng nhận chuyển mục đích sử dụng đất số 00234/2B.QSD Đ/XDCB/2010-QLĐT12 ngày 30/6/2004 đối với phần diện tích 8.209,1 m² tại thửa 305, 306, 307 và một phần thửa 304, 308, 331 do bà Võ Thị Kim A (vợ ông G) đứng tên. Còn phần diện tích 788,9 m² không được chuyển mục đích vì lý do nằm trong lộ giới theo Quyết định 585/QĐ-UBND ngày 09/6/2004.

Căn cứ vào 03 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00276/QSD Đ/Q12/1999, ngày 29/11/1999, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00289/QSD Đ/Q12/1999 ngày 20/12/1999, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00401/QSD Đ/Q12/2000 ngày 08/08/2000 và Bản vẽ hiện trạng ngày 19/5/2004 xác định tổng diện tích thuộc quyền sử dụng của ông G là 8.998 m² là đất " Lúa ", trong đó có quy hoạch đường dự phóng 16m cắt ngang thửa 308, 301 tờ bản đồ số 4.

Căn cứ vào Bản vẽ hiện trạng để xin cấp Giấy chứng quyền sử dụng đất làm nhà xưởng số 00234/2BQSD ĐXD CB/2010-QLĐT12 của Đoàn đo đạc bản đồ-Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện do bà Võ Thị Kim A (vợ ông G) có yêu cầu lập bản đồ để xin chuyển mục đích sử dụng đất làm nhà xưởng với diện tích là 8.209,1 m². Phần còn lại không xin cấp là do quy hoạch mở đường dự phóng.

Từ căn cứ nêu trên xác định gia đình ông G đã đồng ý không công nhận phần đất 788,9m² thuộc quyền sử dụng của gia đình và ngày 09/6/2004 UBND Quận S đã ban hành Quyết định số 585/QĐ-UB ngày 09/6/2004 thu hồi phần diện tích đất 788,9m² giao cho UBND phường N quản lý. Đến ngày 28/6/2004, UBND Quận S và UBND phường N đã có buổi làm việc với ông Võ Văn G về việc thực hiện Quyết định số 585/QĐ-UB ngày 09/6/2004 thu hồi phần diện tích đất 788,9m² giao cho UBND phường N quản lý và ông G đã ký tên đồng ý, không có ý kiến phản đối gì thể hiện một lần nữa về việc ông G đồng ý trả lại đất cho Nhà nước. Do đó ngày 30/6/2004 UBND Quận S đã ban hành Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X553581, số vào sổ cấp giấy chứng số: 00234/2BQSD ĐXD CB/2010-QLĐT12 đối với phần diện tích 8.209,1 m² xin chuyển mục đích sử dụng đất để đầu tư xây dựng xưởng may, không còn thể hiện phần diện tích đất 788,9m² bị cắt giảm nhưng ông G và bà A vẫn không có khiếu nại gì về việc cấp Giấy chứng nhận nêu trên nên có cơ sở xác định ông G, bà A đã đồng ý tự nguyện trả đất cho nhà nước và Nhà nước thực hiện thu hồi đất trên là phù hợp khoản 2 Điều 26 Luật Đất đai năm 1993 (nay là điểm c khoản 1 Điều 65 Luật Đất đai năm 2013) quy định: "*Nhà nước thu hồi toàn bộ hoặc một phần đất đã giao sử dụng trong trường hợp người sử dụng đất tự nguyện trả lại đất được giao;*" mặc dù tại thời điểm đó ông G không có yêu cầu trả đất như trình bày của ông G.

Ông G có đơn kiến nghị với nội dung: "*xem xét bồi thường, hỗ trợ đối với phần diện tích đất 538,3m² thuộc lộ giới đường giao thông phường N liên quan đến dự án đầu tư xây dựng công trình giải quyết thoát nước cho khu tái định cư phường N (khu H), Quận S*".

Ngày 06/6/2018 của UBND Quận S có Văn bản số 4146/UBND-BT trả lời đơn kiến nghị ông G phần diện tích đất 538,3m² không đủ điều kiện bồi thường, hỗ trợ là có căn cứ.

Như vậy đến nay, khi Nhà nước thu hồi đất 538,3m² trong phần diện tích đất 788,9m² để thực hiện Dự án mở đường theo quy hoạch thì phần đất ông G không được công nhận theo Giấy chứng nhận sẽ không đủ điều kiện được bồi thường, hỗ trợ khi bị thu hồi đất là phù hợp khoản 1 Điều 74, khoản 1 Điều 75 Luật Đất đai năm 2013 và khoản 3 Điều 82, điểm c khoản 1 Điều 65 Luật Đất đai năm 2013 quy

định: " Nhà nước thu hồi toàn bộ hoặc một phần đất đã giao sử dụng trong trường hợp người sử dụng đất tự nguyện trả lại đất được giao;". Do đó, ông G yêu cầu bồi thường phần đất này là không có cơ sở để chấp nhận.

Về thẩm quyền và trình tự ban hành: Văn bản số 4146/UBND-BT ngày 06/6/2018 của UBND Quận S, Quyết định số 585/QĐ-UB ngày 09/6/2004 của UBND Quận S và Quyết định về việc cưỡng chế thu hồi đất số 5424/QĐ-UBND ngày 17/11/2020 của Chủ tịch UBND Quận S, việc ban hành quyết định nêu trên là không trái quy định của pháp luật. Do đó không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện.

[4] Do yêu cầu khởi kiện của ông G không được chấp nhận nên ông G phải chịu án phí hành chính sơ thẩm. Hội đồng xét xử đã giải thích theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì ông G thuộc trường hợp miễn nộp án phí và ông G làm đơn xin miễn án phí. Do vậy, ông G không phải chịu án phí sơ thẩm theo qui định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 3, Điều 30, Điều 32, Điều 116, Điều 123, điểm h khoản 1 Điều 143, Điều 144, Điều 157, Điều 158, khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194, Điều 206 và Điều 211 của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn G về việc hủy Văn bản số 4146/UBND-BT ngày 06/6/2018 của Ủy ban nhân dân Quận S; Một phần Quyết định số 585/QĐ-UB ngày 09/6/2004 của Ủy ban nhân dân Quận S, cụ thể bỏ phần nội dung thu hồi 788,9m² đất do bà Võ Thị Kim A sử dụng thuộc lộ giới đường; vị trí đất thuộc một phần thửa đất (thửa cũ) số 304-2 (103,9 m²), 308-3 (345,2m²), 331-3 (339,8m²) tờ bản đồ số 4, đất thuộc phường N và Quyết định số 5424/QĐ-UBND ngày 17/11/2020 về việc cưỡng chế thu hồi đất của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận S.

Đình chỉ giải quyết yêu cầu hủy Thông báo thu hồi đất số 343/TB-UBND-TNMT ngày 26/5/2016 của Ủy ban nhân dân Quận S.

2. Về án phí hành chính sơ thẩm:

Ông Võ Văn G thuộc trường hợp được miễn nộp án phí theo quy định pháp luật nên được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số AA/2017/0045053 ngày 28/02/2019 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Viện kiểm sát được quyền kháng nghị theo luật định./.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại TPHCM;
- VKSND TPHCM;
- Cục THADS TPHCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Thủy